

# TỈNH KHÁNH HÒA

## TỜ TẤU TỈNH THẦN KHÁNH HÒA KÍNH TUÂN LỜI PHÊ BIÊN VẼ BẢN ĐỒ TIẾN TRÌNH

Bản đồ kèm theo:

Tỉnh Khánh Hòa  
Phủ Diên Khánh  
Huyện Phúc Điền  
Huyện Vĩnh Xương  
Phủ Ninh Hòa  
Huyện Quảng Phúc  
Huyện Tân Định

慶和省  
延慶府  
福田縣  
永昌縣  
寧和府  
廣福縣  
新定縣



## TỈNH KHÁNH HOÀ

Thành tỉnh ở địa phận hai xã Trường Thành, Phú Mỹ tổng Ninh Phước huyện Phước Điền. Thành xây bằng đất, chu vi 636 thước 4 thước 7 tấc, cao 8 thước 5 tấc. Thân thành có 8 góc, 4 góc trong thành đều có núi đất<sup>1</sup>, bốn cửa xây gạch và đá ong, bên trên có lầu thành lợp ngói. Hào rộng 4 thước 5 thước, sâu 8 thước.

Tỉnh hạt<sup>2</sup> phía đông giáp bãi biển hơn 20 dặm; phía tây giáp động sơn Man 37 dặm; phía nam giáp địa giới huyện An Phước tỉnh Bình Thuận 117 dặm; phía bắc giáp địa giới huyện Tuy Hoà tỉnh Phú Yên 155 dặm; đông nam giáp hải phận tỉnh Bình Thuận 89 dặm; tây nam giáp động Man 71 dặm; phía đông bắc giáp cửa biển Vân Phong 91 dặm; tây bắc giáp động Man 97 dặm.

Đông tây cách nhau 58 dặm. Nam bắc cách nhau 272 dặm.

Tỉnh hạt thống hạt 2 phủ, gồm 4 huyện.

Đinh số: 5.435 người.

Binh số: 1.308 người.

Ruộng đất: 12.976 mẫu 7 sào 8 thước 7 tấc 5 phân.

Trong đó:

-Ruộng các hạng: 9.687 mẫu 7 sào 8 thước 4 tấc.

-Đất các hạng: 3.289 mẫu 3 tấc 5 phân.

Thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 13.718 quan 21 đồng tiền 6 phân 9 ly.

-Nộp bằng thóc: 6.406 học 5 học 5 thăng 1 vốc 6 nắm 4 lẻ 7 nhóm 9 que.

### 1. Phủ Diên Khánh:

-Kiêm lý huyện Phước Điền.

-Thống hạt huyện Vĩnh Xương.

### 2. Phủ Ninh Hoà:

-Kiêm lý huyện Quảng Phước.

-Thống hạt huyện Tân Định.

<sup>1</sup> Ngv.: thổ sơn, chỉ những ụ đất to để làm chướng ngại khi cần thiết.

<sup>2</sup> Tỉnh Khánh Hoà慶和省: Thời cổ là đất Tây Đô Di 西屠夷, sau thuộc Chiêm Thành (Champa). Năm 1490 vua Lê Thánh Tông Nam chinh, mở đất đến núi Thạch Bi (cuối Tuy Hoà), nhưng về sau từ đèo Cù Mông trở vào Chiêm Thành đã lấy lại. Đời chúa Nguyễn Phúc Tần, năm 1653 nhân Chiêm Thành lán ra, cai cơ Hùng Lộc đem quân vào đánh, lấy đất đến sông Phan Rang, chia làm 2 phủ Thái Khang 泰康府 (gồm 2 huyện Quảng Phúc, Tân Định) và Diên Ninh 延寧府 (3 huyện Phúc Điền, Vĩnh Xương, Hoa Châu), gọi là dinh Thái Khang 泰康營, tức là đất tỉnh Khánh Hoà ngày nay. Năm 1690 đời Ngãi vương Nguyễn Phúc Thái kiêng huý chữ Thái 泰, đổi làm phủ Bình Khang 平康府. Năm 1742 đời Vũ vương Nguyễn Phúc Khoát đổi phủ Diên Ninh làm phủ Diên Khánh 延慶府, lại đặt Bình Khang và Diên Khánh thuộc dinh Bình Khang. Năm Gia Long 2 (1803) kiêng chữ Khang 康 (Hiếu Khang, thụy hiệu của Nguyễn Phúc Cồn, cha của Gia Long) đổi dinh Bình Khang làm dinh Bình Hoà 平和營, đổi phủ Bình Khang làm phủ Bình Hoà. Năm thứ 7 (1808) đổi làm trấn Bình Hoà. Năm Minh Mệnh 12 (1831) đổi làm phủ Ninh Hoà 寧和府. Năm thứ 13 (1832) chia đặt tỉnh hạt, đổi gọi là tỉnh Khánh Hoà 慶和省. Thời gần đây (1975-1989) nhập với Phú Yên thành tỉnh Phú Khánh, nay tách ra lấy lại tên cũ là tỉnh Khánh Hoà.

**Phong tục:**

(Các phủ huyện đều giống nhau).

Tỉnh hạt có 4 huyện, phong tục dân chúng quê mùa chất phác. Dân ven núi làm nghề cấy lúa, trồng dâu; dân ven biển làm nghề chài lưới. Người làm thợ và đi buôn cũng có, nhưng phần nhiều lười nhác, không ai có hàng hoá buôn bán lớn. Đàn ông đàn bà đều chít đầu bằng khăn vuông, nhà giàu dùng khăn nhiều, nhà nghèo thì dùng vải xanh. Thức uống thì phần nhiều uống nước lã. Cúng giỗ hoặc cầu phúc rải rác cũng có nhà mở cuộc ca hát, cúng bói. Theo Tả đạo, gián tông có 30 xã thôn: Huyện Phước Điền có các xã Phú Cốc, Phú Lộc, Đại Điền, Phú Cấp, Phú Năm, Vũ Cảnh, Xuân Phong, Trường Thạnh, Trường Lạc, Phước Thạnh, Lương Phước, Trung Giang. Huyện Vĩnh Xương có các xã thôn Ngọc Hội, Phú Nông, Phú Nhơn, Phú Vinh, Xuân Lạc, Vĩnh Châu. Huyện Quảng Phước có các xã thôn Phước Đa, Văn Định, Ngọc Sơn. Huyện Tân Định có Mỹ Thành, Đại Cát, Mỹ Thạnh, Xuân Hoà, Vĩnh Phước, Hội Phú, Hội Bình, Cát Lợi. Toàn tông chỉ có một thôn Tiên Hương thuộc huyện Phước Điền mà thôi.

Có hai cửa tấn Nha Trang và Bình Nguyên. Các sách sơn Man gác gỗ làm nhà mà ở, nghề nghiệp không giống nhau, hoặc nuôi gia súc hoặc trồng cây, thích nổi đồng, đồ gốm, mặc chỉ dùng vải thô, ăn chỉ dùng muối, quanh năm thường đem các thứ như lợn, dầy mây trao đổi hàng hoá với người Kinh. Các sách Man La Vạn, Lục Vạn ở Bình Nguyên bản tính ngoan ngoan khó thuần hoá, không như các sách Man thuần phác ở Nha Trang.

**Sản vật:**

Thóc lúa, khoai, đậu, dưa v.v... các huyện đều có. Các vật như vải, chiếu, the, nhiều, lĩnh hoa đen rải rác cũng có nơi sản xuất. Sản vật ở vùng núi thì có gỗ mun, gỗ trắc, gỗ lim, gỗ giáng hương, kỳ nam, trầm hương, sáp ong, mật trắng, sa nhân, bo bo, trâu núi, lá buông<sup>1</sup>, dậu rái, dậu trám, hương tó hợp, cây song mây, hạt mã tiền, nhung nai, tê giác, ngà voi, công, lông trĩ, gấu, hổ. Dưới biển thì có cá, muối. Còn như xà cừ, đồi mồi, yến sào thì rải rác cũng có, nhưng không nhiều.

**Khí hậu:**

Các phủ huyện đều giống nhau.

Bốn mùa nóng nhiều rét ít. Sau tháng tư thường có mưa rào. Cuối thu đầu đông mưa lụt đổ xuống, đất nhiều lam chướng, khí ẩm thấp thường nặng, dân nhiều người bị nhiễm thành bệnh sốt rét. Thời tiết mùa màng thì một năm có hai vụ hè và thu. Thuỷ triều một tháng hai hoặc ba lần: tháng hai, tháng tám mỗi tháng 3 lần vào các ngày 3, 17, 29; các tháng khác mỗi tháng 2 lần vào các ngày 17 và 30.

**Núi sông:**

Tỉnh hạt có 4 huyện đều nhiều núi, nêu các núi có tên như: núi Tam Phong, núi Đại Lĩnh, núi Phước Hà ở huyện Quảng Phước. Núi Bà Sơn, núi Đại Điền ở huyện Phước Điền.

Sông phần nhiều nông hẹp, nêu sông hơi lớn như sông Phú Lộc ở huyện Phước Điền, sông Vĩnh Phú ở huyện Tân Định.

**Đền miếu:**

- Đàn Xã tắc: ở địa phận huyện Phước Điền phủ Diên Khánh.
- Đàn Sơn xuyên: ở địa phận huyện Phước Điền phủ Diên Khánh.
- Đàn Tiên Nông: ở địa phận huyện Phước Điền phủ Diên Khánh.
- Văn miếu: ở địa phận huyện Phước Điền phủ Diên Khánh.

<sup>1</sup> Ngv. Đam điệp, cũng gọi Bối điệp 貝葉, lá non phơi khô trắng có thể đan thành đệm chiếu, buồm, theo ĐNNTC sống lá bối điệp rần mà dẻo, có thể dùng làm cánh cung.

- Miếu Hội đồng: ở địa phận huyện Phước Điền phủ Diên Khánh.
- Miếu Thành hoàng: ở địa phận huyện Phước Điền phủ Diên Khánh.
- Miếu Công Thần: ở địa phận huyện Vĩnh Xương.
- Đền Thiên Y: ở trong thành tỉnh, thờ Thiên Y thánh nương.
- Đền Quá Quan: ở địa phận huyện Phước Điền, thờ Thiên Y thánh nương.

**Danh thắng:**

Tháp cổ Linh Tiên: thuộc huyện Vĩnh Xương, xem kỹ ở phần ghi về huyện này.

**Đôn luy:**

-Lục đôn: ở địa phận huyện Vĩnh Xương phủ Diên Khánh, đắp bằng đất, chu vi 36 trượng 4 thước, cao 7 thước, dày 7 thước 5 tấc.

-Đôn Hiệp Khẩu: ở địa phận huyện Vĩnh Xương phủ Diên Khánh, đắp bằng đất, chu vi 7 trượng 5 thước, cao 7 thước, dày 8 thước.

**Đường đi:**

-Một đường quan báo từ thành lý đi về phía nam đến trạm Hoà Thạnh, qua Hoà Tân, Hoà Du và Hoà Quân đến trạm Thuận Lai tỉnh Bình Thuận, dài 117 dặm, rộng dưới 1 trượng.

-Một đường quan báo từ thành lý đi về phía bắc đến trạm Hoà Thạnh, qua Hoà Cát, Hoà Mỹ, Hoà Hoàng và Lương Hoà Mã, đến trạm Phú Hoà, giáp sơn phận đạo Phú Yên, dài 155 dặm.

-Một đường nhỏ từ tỉnh thành đi về phía đông, qua Thuỷ Vệ đến cửa tấp lớn Cù Huân, dài 20 dặm. Lại từ Thuỷ Vệ Xá đi về phía đông đến cửa tấp nhỏ Cù Huân, dài 3 dặm, rộng dưới 3 thước.

-Một đường nhỏ từ tỉnh thành đi về phía tây đến tận cùng các sách Man, dài 38 dặm.

-Một đường biển, nam từ đảo Chông thuộc hải giới tỉnh Bình Thuận đi về phía bắc, qua các cửa tấp Cam Ranh, Cù Huân, Nha Phu và Vân Phong, giáp cửa tấp Đà Nùng thuộc địa giới đạo Phú Yên, nếu thuận tiện chỉ đi hết 3 ngày đêm.

## PHỦ DIÊN KHÁNH

Phủ lý ở địa phận xã Phú Ân tổng Trung Châu huyện Phước Điền, bốn mặt trông rào tre, dài 64 trượng.

Phủ hạt<sup>1</sup> phía đông giáp bờ biển 17 dặm, tây giáp động Man 40 dặm, phía nam giáp địa giới huyện An Phước tỉnh Bình Thuận 117 dặm, bắc giáp địa giới huyện Tân Định phủ Ninh Hoà 46 dặm.

Đông tây cách nhau 57 dặm. Nam bắc cách nhau 163 dặm.

Phủ kiêm lý huyện Phước Điền, thống hạt huyện Vĩnh Xương, gồm 10 tổng.

Đinh số: 2.764 người.

Binh số: 653 người.

<sup>1</sup> Phủ Diên Khánh: Xưa là đất Chiêm Thành. Năm 1653 vua Chiêm là Bà Tấm xâm lấn Phú Yên, cai cơ Hùng Lộc đem quân vượt đèo Hồ Dương núi Thạch Bi, lấy đất đến sông Phan Rang, chia làm 2 phủ Thái Khang 泰康府 (gồm 2 huyện Quảng Phúc, Tân Định) và Diên Ninh 延寧府 (3 huyện Phúc Điền, Vĩnh Xương, Hoa Châu), gọi là dinh Thái Khang 泰康營, tức là đất tỉnh Khánh Hoà ngày nay. Năm 1690 kiêng tên húy của Ngải vương Nguyễn Phúc Thái, đổi phủ và dinh Thái Khang làm phủ và dinh Bình Khang 平康. Năm 1742 chúa Nguyễn Phúc Khoát đổi phủ Diên Ninh 延寧 làm phủ Diên Khánh 延慶, vẫn thuộc dinh Bình Khang. Về sau qua mấy lần thay đổi (vùng tiếp giữa huyện Ninh Hoà và huyện M' đrắc tỉnh Đắc Lắc), nay là đất hai huyện Diên Khánh và Khánh Vĩnh tỉnh Khánh Hoà.

Ruộng đất: 6.777 mẫu 7 sào 14 thước 9 tấc.

Trong đó:

-Ruộng: 4.477 mẫu 1 sào 1 thước 8 tấc.

-Đất: 2.300 mẫu 6 sào 13 thước 1 tấc.

Tiền thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 7.516 quan 7 tiền 59 đồng tiền 8 phân.

-Nộp bằng thóc: 2.741 hộc 6 thăng 2 vốc 1 nắm 9 lẻ 9 nhúm 9 que.

**1.Huyện Phước Điền**, 6 tổng:

- |                    |                    |                    |                   |
|--------------------|--------------------|--------------------|-------------------|
| 1.Tổng Thượng Châu | 2.Tổng Trung Châu  | 3.Tổng Phương Châu | 4.Tổng Vĩnh Phước |
| 5.Tổng Ninh Phước  | 6.Tổng Thanh Phước |                    |                   |

**2.Huyện Vĩnh Xương**, 4 tổng:

- |               |              |           |                 |
|---------------|--------------|-----------|-----------------|
| 1.Tổng Thượng | 2.Tổng Trung | 3.Tổng Hạ | 4.Tổng Xương Hà |
|---------------|--------------|-----------|-----------------|

**Sản vật:**

The, nhiều, lĩnh hoa đen, sáp ong, mật trắng, trâu núi, gỗ giáng hương sản xuất ở huyện Phước Điền. Yên sào, hải sâm, muối trắng, chiếu thô, xà cừ, tôm cá, dầu rái, nhựa trám, gỗ mun, gỗ trắc sản ở huyện Vĩnh Xương. Còn như thóc lúa, khoai đậu, rau dưa, hạt bo bo, hạt mã tiền, gỗ lim, sa nhân, nhung nai, tê giác, ngà voi, công, lông trĩ, gấu, hổ cả hai huyện đều có.

**Núi sông:**

Hai huyện đều nhiều núi, nhưng có tên thì chỉ có hai núi Đại Điền và núi Bà Sơn mà thôi.

-Một dòng sông lớn, phía trên từ ba nguồn trên động núi chảy xuống đến huyện Phước Điền, hợp dòng rồi chảy về phía đông, đến tấp Cù Huân huyện Vĩnh Xương, đổ ra biển, dài 50 dặm, rộng 5 trượng, sâu chừng trên dưới 3-4 thước.

**Đền miếu:**

-Đền Quá Quan: ở địa phận huyện Phước Điền, thờ Thiên Y thánh nương.

**Danh thắng:**

Cù lao Sơn, tháp cổ Linh Tiên ở địa phận huyện Vĩnh Xương, xem kỹ ở phần ghi về huyện này.

**Đồn lũy:**

Đồn Lục và đồn Giáp Khẩu: đều thuộc địa phận huyện Vĩnh Xương. Quy cách, xem kỹ ở phần ghi về tỉnh.

**Đường đi:**

-Một đường quan báo, nam từ địa giới tỉnh Bình Thuận qua các trạm Hoà Quân, Hoà Du, Hoà Tân thuộc huyện Vĩnh Xương, Hoà Thạnh thuộc huyện Phước Điền; bắc giáp trạm Hoà Cát ở địa giới huyện Tân Định, dài 163 dặm, rộng 1 trượng.

-Một đường nhỏ từ phủ lý đi về phía tây, qua thành tỉnh, đến sơn man, dài 40 dặm, rộng trên dưới 3 trượng.

-Một đường nhỏ từ phủ lý đi về phía đông, qua Thủy Vệ Xá đến cửa tấp lớn Cù Huân, dài 18 dặm. Lại từ Thủy Vệ Xá đi về phía đông nam đến cửa tấp nhỏ Cù Huân, dài 3 dặm.

-Một đường biển: nam từ đảo Chông ở hải phận tỉnh Bình Thuận đi ra bắc, qua cửa tấp Cam Ranh<sup>1</sup> đến cửa tấp Cù Huân, nếu thuận tiện đi hết một ngày đêm.

<sup>1</sup> Cam Ranh, chữ Hán: Cam Linh.

## HUYỆN PHƯỚC ĐIỀN

Do phủ Diên Khánh kiêm lý.

Huyện hạt<sup>1</sup> đông giáp địa giới huyện Vĩnh Xương 1 dặm, tây giáp động Man 40 dặm, nam giáp địa giới huyện Vĩnh Xương 1 dặm, bắc giáp địa giới huyện Tân Định 46 dặm.

Đông tây cách nhau 41 dặm. Nam bắc cách nhau 47 dặm.

Huyện có 6 tổng.

Đình số: 1.906 người.

Bình số: 396 người.

Ruộng đất: 4.574 mẫu 6 sào 6 thước 4 tấc. Trong đó:

-Ruộng: 2.922 mẫu 4 sào 11 thước 5 tấc.

-Đất: 1.652 mẫu 1 sào 9 thước 9 tấc.

Thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 5.142 quan 9 tiền 51 đồng tiền 3 phân 6 ly.

-Nộp bằng thóc: 1.816斛 11 thăng 7 vốc 1 nắm 3 lể 3 nhúm 3 que.

**1-Tổng Thượng Châu**, 4 thôn, xã, ấp:

1.Xã Phú Cốc                      2.Xã Xuân Phong Thượng    3.Thôn Tiên Hương    4.Ấp Khánh Xuân

**2-Tổng Trung Châu**, 5 xã, thôn:

1.Xã Đại Điền                      2.Xã Phú Lộc                      3.Xã Phú Ân                      4.Xã Phú Cấp  
5.Xã Phú Nấm

**3-Tổng Phương Châu**, 4 xã, thôn:

1.Xã Xuân Phong                      2.Xã Đắc Lộc                      3.Xã Như Xuân                      4.Thôn Hồi Xuân

**4-Tổng Vĩnh Phước**, 6 xã, thôn:

1.Xã Bình Lộc                      2.Xã Đỉnh Thạnh                      3.Xã Lễ Thạnh                      4.Xã Phước Thành  
5.Xã Phù Thiện<sup>2</sup>

**5-Tổng Ninh Phước**, 15 xã, thôn:

1.Xã Mỹ Lộc                      2.Xã Đại Hữu                      3.Xã Quang Thạnh                      4.Xã Hội Phước  
5.Xã Lương Phước                      6.Xã Nghiệp Thành                      7.Xã Thạnh Minh                      8.Xã Trường Lạc  
9.Xã Trường Thạnh                      10.Xã Phú Mỹ                      11.Xã Thanh Ninh                      12.Xã Phước Thạnh  
13.Xã Trung Giang                      14.Thôn Lạc Lợi                      15.Thôn Khánh Thành

**6.Tổng Thanh Phước**, 3 xã:

1.Xã Vũ Cảnh                      2.Xã Vũ Dũng                      3.Xã Vũ Kiện

**Sản vật:**

The, nhiều, lĩnh hoa đen đều sản ở hai xã Phú Lộc, Phú Ân. Ngoài ra các loại dưa, đậu, khoai, lúa, bo bo, hạt mã tiền thì các tổng đều có. Nhung hươu, tê giác, ngà voi, công, lông trĩ, gỗ giáng hương, gỗ lim, sáp ong, mật trắng, lá trầu núi thì rải rác cũng có nơi có.

<sup>1</sup> Huyện Phước Điền: 福田縣 trong 3 huyện (Phúc Điền, Vĩnh Xương, Hoa Châu), thuộc phủ Diên Ninh thành lập đầu tiên thời chúa Nguyễn Phúc Tần Nam tiến (1653). Năm Minh Mệnh 13 (1832) nhập cả huyện Hoa Châu 花州 vào huyện Phước Điền. (Từ thời các chúa Nguyễn, chữ Phúc vẫn đọc là Phúc, từ năm Tự Đức về sau kiêng chữ trong tên họ Nguyễn Phúc, đọc chệch Phúc thành *Phước*). Nay là vùng thành phố Nha Trang (tỉnh lý) và huyện Khánh Sơn tỉnh Khánh Hoà.

<sup>2</sup> Ở trên ghi 6 xã, thôn, nhưng đây chỉ có 5 xã, có lẽ thiếu 1 thôn.

**Núi sông:**

Huyện hạt có núi Đại Điền, núi Bà Sơn đều là núi có tiếng.

-Một dòng sông lớn có 3 nguồn: một xuất từ nguồn Đồng Lây chảy về phía đông nam, dài 20 dặm; một xuất từ thượng nguồn Nha Trang, chảy về phía đông bắc, dài 28 dặm, một xuất từ núi Bà Sơn, chảy về phía đông bắc, dài 28 dặm đến địa phận xã Phú Lộc hợp dòng chảy về phía đông thông sang huyện Vĩnh Xương, dài 17 dặm, rộng 5 trượng, sâu khoảng trên dưới 3-4 thước.

**Đền miếu:**

Đền Quá Quan: ở địa phận xã Xuân Phong tổng Phương Châu, thờ Thiên Y thánh nương.

**Đường đi:**

-Một đường quan báo, nam từ trạm Hoà Tân ở địa giới huyện Vĩnh Xương, qua trạm Hoà Thạnh, bắc giáp trạm Hoà Cát ở địa giới huyện Tân Định, dài 53 dặm, rộng 1 trượng.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía tây, qua thành tỉnh đến sơn man, dài 40 dặm, rộng khoảng trên dưới 3 thước.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía đông, giáp địa giới huyện Vĩnh Xương, dài hơn 2 dặm.

-Một đường xuyên qua núi, từ huyện lỵ đi về phía bắc, đến địa giới huyện Tân Định, dài hơn 3 dặm, rộng 2 thước.

## HUYỆN VĨNH XƯƠNG

Do phủ Diên Khánh thống hạt.

Huyện lỵ ở địa phận xã Vĩnh Diêm tổng Xương Hà, bốn mặt rào tre, dài 60 trượng.

Huyện hạt<sup>1</sup> đông giáp bờ biển 12 dặm, tây giáp địa giới huyện Phước Điền 3 dặm, nam giáp sơn phận huyện An Phước 117 dặm, bắc giáp địa giới huyện Tân Định 3 dặm.

Đông tây cách nhau 15 dặm. Nam bắc cách nhau 120 dặm.

Huyện có 4 tổng:

Đình số: 858 người.

Bình số: 257 người.

Ruộng đất: 2.203 mẫu 1 sào 8 thước 5 tấc. Trong đó:

-Ruộng: 1.514 mẫu 6 sào 5 thước 3 tấc.

-Đất: 648 mẫu 5 sào 3 thước 2 tấc.

Thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 2.373 quan 8 tiền 8 đồng tiền 4 phân 4 ly.

-Nộp bằng thóc: 922 hộ 20 thưng 5 vốc 6 nắm 6 nhúm 6 que.

**1. Tổng Thượng, 8 xã, thôn, hộ:**

1. Xã Vĩnh Cát	2. Xã Vạn Xương	3. Xã Vạn Hội	4. Xã Bách Lộc
5. Xã Xuân Phú	6. Thôn Khánh Lộc	7. Hộ Khánh Bình	8. Hộ Khánh Xương

**2. Tổng Trung, 7 xã, thôn:**

1. Xã Vĩnh Xương	2. Xã Phú Hậu	3. Xã Cư Thạnh	4. Xã Phước Trạch
5. Xã Xuân Sơn	6. Xã Bút Sơn	7. Thôn Đồng Nhơn	

<sup>1</sup> Huyện Vĩnh Xương 永昌縣: Một trong ba huyện thành lập thời Nam tiến đầu đời chúa Nguyễn Phúc Tần (1653). Nay là địa phận phía nam thành phố Nha Trang và huyện Cam Ranh tỉnh Khánh Hoà.

**3. Tổng Hạ**, 12 xã, thôn, hộ:

- |                 |                  |                   |                  |
|-----------------|------------------|-------------------|------------------|
| 1. Xã Tân Lộc   | 2. Xã Lập Định   | 3. Thôn Vĩnh Niên | 4. Thôn Điều Lâm |
| 5. Thôn Mỹ Kha  | 6. Thôn Nhược Đổ | 7. Thôn Hợp Mỹ    | 8. Hộ Khánh Thọ  |
| 9. Hộ Khánh Nại | 10. Hộ Khánh Cam | 11. Hộ Khánh Hợp  | 12. Hộ Khánh Mỹ  |

**4. Tổng Xương Hà**, 28 xã, thôn, hộ:

- |                      |                     |                    |                     |
|----------------------|---------------------|--------------------|---------------------|
| 1. Xã Cửu Lợi        | 2. Xã Phước Hải     | 3. Xã Thới Thông   | 4. Xã Thuỷ Tú       |
| 5. Xã Vĩnh Châu      | 6. Xã Phú Vinh      | 7. Xã Xuân Lạc     | 8. Xã Vĩnh Điềm     |
| 9. Xã Phú Nhơn       | 10. Xã Cù Lao       | 11. Thôn Vĩnh Hi   | 12. Thôn Bình Ba    |
| 13. Thôn Thạnh Đức   | 14. Thôn Thuỷ Triều | 15. Thôn Đồng Xuân | 16. Thôn Bình Tân   |
| 17. Thôn Phú Nông    | 18. Thôn Ngọc Hội   | 19. Thôn Đường Lệ  | 20. Thôn Minh Huân  |
| 21. Thôn Phương Cầu  | 22. Thôn Phương Sài | 23. Thôn Vạn Thạnh | 24. Thôn Trường Tây |
| 25. Thôn Trường Đông | 26. Thôn Trí Nguyên | 27. Thôn Bích Đàm  | 28. Hộ Vĩnh Xuân    |

**Sản vật:**

Muối trắng sản ở Bình Tân, chiếu thô sản ở Thới Thông, tổ yến sản ở cả trong và ngoài đảo, do trường hộ thôn Tây nộp thuế biệt nạp. Hải sâm chỉ có ở hải phận tấn Cam Ranh. Ngoài ra các loại thóc lúa, rau dưa, khoai đậu, hạt bo bo, hạt mã tiền thì các tổng đều có. Nhung hươu, tê giác, ngà voi, công, lông trĩ, dầu trám, dầu rái, gỗ mun, gỗ trắc<sup>1</sup>, gỗ lim, xà cừ, tôm cá thì nơi nào cũng có.

**Núi sông:**

Núi Thơm, núi Phú Cảnh, núi Đông Đế, núi Cù Lao, núi Tinh Trung, núi Ngọc Hội, núi Kho, núi Cảnh Long, núi Giáng Hương, núi Diễn Sơn, núi Hoàng Ngưu, núi Thạnh Đức, núi Hoà Quân, núi Phong Lĩnh, núi Hợp Mỹ, núi Du Lâm, núi Nhược Đổ, núi Lữ Sơn (không có núi nào nổi tiếng).

- Một dòng sông lớn từ huyện Phước Điền chảy xuống đến địa phận thôn Vạn Thạnh, dài 3 dặm, rộng 5 trượng, sâu trên dưới 3-4 thước. Lại từ thôn Vạn Thạnh chia làm 3 nhánh, một nhánh chảy về phía nam qua xã Phước Hải rồi đổ vào cửa tấn nhỏ Cù Huân, dài 3 dặm, rộng 1 trượng, sâu chừng 2 thước; một nhánh chảy về phía đông đến thôn Minh Huân rồi chảy vào cửa tấn lớn Cù Huân, dài 1 dặm, rộng 1 trượng, chừng 2 trượng; một nhánh chảy về phía bắc đến xã Cù Lao, cũng đổ vào cửa tấn lớn Cù Huân, dài 1 dặm, rộng 2 trượng, sâu chừng 3 thước.

- Một dòng sông nhỏ từ trong động Man chảy xuống qua ba tổng: tổng Thượng, tổng Trung và tổng Xương Hà, chia đổ vào cửa tấn nhỏ Cù Huân, dài 20 dặm, rộng 1 trượng, sâu chừng 2-3 thước.

- Một dòng sông nhỏ từ trong động Man chảy xuống, 3 nhánh chảy về phía đông nam, đều đổ vào cửa tấn Cam Ranh, mỗi nhánh đều dài 8 trượng, rộng 2 trượng, sâu khoảng 2 thước.

**Danh thắng:**

- Tháp cổ Linh Tiên: ở sơn phận xã Cù Lao tổng Xương Hà, năm đỉnh núi liền nhau mà tháp cổ đứng sừng phía trên, thờ Thiên Y thánh nương. Đời bản triều nhiều lần được phong tặng là “Hồng non phổ tế linh ứng thượng đẳng thân”, lấy dân xã Cù Lao làm miếu phụ. Cửa tháp xây đá, phía trước có bia, đều khắc kiểu chữ khoa đầu<sup>2</sup>, phàm khi cầu đảo đều được linh ứng. Tháp cao 6 trượng, trải qua nhiều năm gạch ngói hư hỏng, dột nát, các đời quan trấn nhậm đất này đều muốn sửa sang tu bổ, nhưng công trình lớn lao tu sửa khó khăn, chi phí tốn kém, lại ít thợ khéo, cuối cùng vẫn không làm được. Năm Tự Đức 18 (1865), Bá hộ Nguyễn Khuê người huyện Vĩnh Xương xuất của riêng mua gỗ, ngói dựng ngôi nhà một gian để che mưa gió. Phàm các quan đến nhậm chức và các vị phái viên đi công cán qua đây đều vào bái yết hoặc dựng bia khắc bài ký (như nguyên Hiệp biện đại học sĩ lãnh Lễ bộ Thượng thư

<sup>1</sup> Ngv.: xích mộc, tên đầy đủ là xích ngại mộc, là cây gỗ trắc: “Xích ngại cây trắc đỏ hoe” (CNNÂ, Mộc loại).

<sup>2</sup> Ngv.: 蚪文 đầu văn (chữ ngoằn ngoèo như hình con nòng nọc), đây chỉ chữ Chàm.

Phan Thanh Giản; nguyên Thông chánh sứ lãnh Bố chánh sứ Khánh Hoà Nguyễn Quỳnh; nguyên Tuần phủ Thuận-Khánh Nguyễn Uy; nguyên Khâm sai Hồng lô tự thiếu khanh biện lý bộ Công Bùi Thái Bút, nguyên lãnh Bố chánh sứ Bình Thuận Trần Điển; Thị độc học sĩ sung Điển nông sứ Phan Trung; nguyên lãnh Án sát sứ Bình Thuận Tôn Thất Soạn; nguyên Hàn lâm viện Thị độc sung Dinh điền sứ Bình Thuận Nguyễn Văn Phương; nguyên lãnh Lang trung bộ Công Nguyễn Duy Doãn; nguyên Khâm phái tuỳ biện Lễ khoa cấp sự Nguyễn Duy Chí), hoặc đề thơ (như nguyên chánh sứ sang Pháp, Thượng thư bộ Hình Lê Tuấn; nguyên Phó sứ, Lễ bộ Tả tham tri Nguyễn Văn Tường; nguyên Tham biện Hồng lô tự khanh Nguyễn Tăng Doãn; nguyên Ngự sử đạo Hải An Phạm Đăng Giảng; nguyên Bố chánh sứ Khánh Hoà Lê Đình Tuấn; nguyên Án sát sứ Khánh Hoà Phạm Huy Bính; Điển nông sứ Phan Trung, nguyên Đốc học Khánh Hoà Đinh Nho Quang). Các vị trên đây đều ca ngợi cho tháp cổ này là một danh thắng trong tỉnh hạt.

#### **Đồn lũy:**

- Lục đồn: ở địa phận xã Phước Hải tổng Xương Hà, quy cách xem kỹ ở phần ghi về tỉnh.
- Đồn Giáp Khẩu: ở địa phận xã Xuân Lạc tổng Xương Hà.

#### **Đường đi:**

- Một đường quan báo, nam từ đầu địa giới Bình Thuận, qua các trạm Hoà Quan, Hoà Du và Hoà Tân, giáp trạm Hoà Thanh thuộc địa giới huyện Phước Điền, dài 92 dặm 1 trượng.
  - Một đường nhỏ từ huyện lỵ chạy về phía đông đến trấn Cù Huân, dài 12 dặm.
  - Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía tây đến địa giới huyện Phước Điền, dài 3 dặm.
- Các đường đều rộng 3 thước.
- Một đường biển, phía nam từ đảo Chông thuộc hải phận tỉnh Bình Thuận, vòng phía bắc quan cửa trấn Cam Ranh đến cửa trấn Cù Huân, nếu thuận tiện đi hết một ngày đêm.

## PHỦ NINH HOÀ

Phủ lỵ ở địa phận thôn Vĩnh Phú tổng Phước Khiêm, bốn mặt có rào tre, chu vi 68 trượng.

Phủ hạt<sup>1</sup> phía đông giáp biển 30 dặm, tây giáp sơn man 44 dặm, nam giáp địa giới huyện Phước Điền phủ Diên Khánh 22 dặm, bắc giáp địa giới huyện Tuy Hoà đạo Phú Yên 91 dặm.

Đông tây cách nhau 74 dặm. Nam bắc cách nhau 113 dặm.

Phủ kiêm lý huyện Quảng Phước, thống hạt huyện Tân Định, gồm 8 tổng.

Đình số: 2.671 người.

Binh số: 655 người.

Ruộng đất: 6.158 mẫu 9 sào 8 thước 8 tấc 5 phân. Trong đó:

- Ruộng: 5.210 mẫu 6 sào 6 thước 6 tấc.
- Đất: 988 mẫu 3 sào 2 thước 2 tấc.

<sup>1</sup> Phủ Ninh Hoà: Một trong hai phủ thành lập đầu tiên sau cuộc Nam tiến 1653 được đặt tên là phủ Thái Khang 泰康府 (gồm 2 huyện Quảng Phúc, Tân Định), đặt thuộc dinh Thái Khang 泰康營. Năm 1690 đời Ngãi vương Nguyễn Phúc Thái kiêng huý chữ Thái 泰, đổi làm phủ Bình Khang 平康府. Năm Gia Long 2 (1803) kiêng chữ Khang 康 (Hiếu Khang, thụy hiệu của Nguyễn Phúc Cồn, cha của Gia Long) đổi dinh Bình Khang làm dinh Bình Hoà 平和營, đổi phủ Bình Khang làm phủ Bình Hoà 平和府. Năm Minh Mệnh 12 (1831) đổi làm phủ Ninh Hoà 寧和府. Năm thứ 13 (1832) chia đặt tỉnh hạt, đặt thuộc tỉnh Khánh Hoà 慶和省. Qua các thay đổi về sau, phủ Ninh Hoà cũ chủ yếu là đất các huyện Ninh Hoà, Khánh Vĩnh tỉnh Khánh Hoà hiện nay.

Thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 6.201 quan 2 tiền 21 đồng tiền 8 phân 9 ly.

-Nộp bằng thóc: 3.664 hộ 24 thương 9 vốc 4 nắm 4 lẻ 8 nhúm.

**1.Huyện Quảng Phước, 5 tổng:**

1.Tổng Phước Khiêm 2.Tổng Phước Thiện 3.Tổng Phước Tường 4.Tổng Phước Hà Nội  
5.Tổng Phước Hà Ngoại

**2.Huyện Tân Định, 3 tổng:**

1.Tổng Thân Thượng 2.Tổng Hiệp Trung 3.Tổng Ích Hạ

**Sản vật:**

Đôi môi, muối trắng sản ở huyện Quảng Phước, dầu hương tồ hợp, lá buồng trắng sản ở huyện Tân Định. Ngoài ra các loại ngũ cốc, rau dưa, khoai đậu, dầu trám, mây, trầm hương, kỳ nam, sa nhân, ý dĩ, nam mộc cùng nhung hươu, tê giác, ngà voi, công, lông trĩ, gấu, hổ, ba ba, lươn, ốc v.v... hai huyện đều có.

**Sông núi:**

Hai huyện trong phủ hạt nhiều núi, nêu những núi có tên như: núi Tam Phong, núi Đại Lĩnh, núi Phước Hà.

Một dòng sông lớn: phía trên có bốn nguồn từ Sơn Động chảy xuống, đến huyện Tân Định hợp dòng chảy về phía đông, đến vũng Nha Phu thì đổ vào biển, dài 27 dặm, rộng 2 trượng, sâu chừng 2 thước.

**Đền miếu, danh thắng:**

Trong phủ hạt không có nơi nào đáng ghi chép.

**Đường đi:**

-Một đường quan báo, phía bắc từ trạm Phú Hoà giáp giới đạo Phú Yên, nam giáp sơn phận huyện Phước Điền phủ Diên Khánh, dài 113 dặm, rộng 1 trượng.

-Một đường nhỏ, từ phủ lỵ đi về phía tây, nam giáp trấn Bình Nguyên, dài hơn 5 dặm, rộng trên dưới 3 trượng.

-Một đường từ phủ lỵ đi về phía đông nam, giáp trấn Nha Phu, dài 3 dặm.

-Một đường từ phủ lỵ đi về phía đông bắc, giáp trấn Vân Phong, dài hơn 30 dặm.

-Một đường biển từ trấn Đà Nẵng giáp giới hải phận đạo Phú Yên đi về phía nam, qua hai cửa trấn Vân Phong và Nha Phu, giáp cửa trấn Cù Huân huyện Vĩnh Xương phủ Diên Khánh, nếu thuận tiện đi hết một ngày đêm.

## HUYỆN QUẢNG PHƯỚC

Do phủ Ninh Hoà kiêm lý.

Huyện hạt<sup>1</sup> phía đông giáp bãi biển 30 dặm, phía tây giáp địa giới huyện Tân Định 4 dặm, phía nam giáp địa giới huyện Tân Định, phía bắc giáp địa giới huyện Tuy Hoà đạo Phú Yên 91 dặm.

Đông tây cách nhau 34 dặm. Nam bắc cách nhau hơn 91 dặm.

Huyện có 5 tổng.

Đình số: 1.289 người.

Bình số: 341 người.

Ruộng đất: 3.252 mẫu 9 sào 5 thước 4 tấc 5 phân. Trong đó:

-Ruộng: 2.825 mẫu 3 sào 3 tấc.

-Đất: 427 mẫu 6 sào 5 thước 1 tấc 5 phân.

Thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 3.78 quan 5 tiền 51 đồng tiền 1 phân 7 ly.

-Nộp bằng thóc: 1.696 học 10 thưng 4 vốc 4 nắm 8 nhúm.

### 1. Tổng Phước Khiêm, 12 xã, thôn:

- |                 |                   |                   |                  |
|-----------------|-------------------|-------------------|------------------|
| 1. Xã Phước Đức | 2. Xã Nội Mỹ      | 3. Xã Phú Văn     | 4. Xã Phước Sơn  |
| 5. Xã Quan Đông | 6. Xã Văn Định    | 7. Xã Phú Nghĩa   | 8. Xã Phước Đa   |
| 9. Xã Vạn Thiện | 10. Thôn Vĩnh Phú | 11. Thôn Ngọc Sơn | 12. Thôn Sơn Lộc |

### 2. Tổng Phước Thiện, 11 xã, thôn:

- |                  |                   |                   |                   |
|------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| 1. Xã Vĩnh Thạnh | 2. Xã Thạch Định  | 3. Xã Phú Sơn     | 4. Xã Quảng Hương |
| 5. Thôn Mông Phú | 6. Thôn Bình Thới | 7. Thôn Cung Hoà  | 8. Thôn Phú Gia   |
| 9. Thôn Ninh Phú | 10. Thôn Ninh Cư  | 11. Thôn Ninh Ích |                   |

### 3. Tổng Phước Tường, 30 xã, thôn:

- |                       |                    |                       |                      |
|-----------------------|--------------------|-----------------------|----------------------|
| 1. Xã Quảng Hội       | 2. Xã Tuân Lễ      | 3. Xã Long Thạnh      | 4. Xã Nhơn Sơn       |
| 5. Xã Trung Dũng      | 6. Xã Tiên Mao     | 7. Xã Bình Trung      | 8. Xã Xuân Tự        |
| 9. Xã Lộc Thọ         | 10. Xã Phú Cương   | 11. Xã Mậu Thạnh      | 12. Xã Mỹ Đồng       |
| 13. Xã Quảng Tân      | 14. Xã Vinh Hoà    | 15. Xã Phước Thủy     | 16. Xã Hiền Lương    |
| 17. Xã Tân Phước      | 18. Xã Bình Lộc    | 19. Xã Hải Triều      | 20. Thôn Hội Khánh   |
| 21. Thôn Diêm Điền    | 22. Thôn Tứ Chiếng | 23. Thôn Tân Mỹ       | 24. Thôn Điệp Sơn    |
| 25. Thôn Ninh Thới    | 26. Thôn Ninh Thọ  | 27. Thôn Tân Đức Đông | 28. Thôn Phú Hội Tây |
| 29. Thôn Ninh Mã Đông |                    | 30. Thôn Ninh Mã Tây  |                      |

### 4. Tổng Phước Hà Nội, 16 xã, thôn, hộ:

- |                  |                   |                     |                     |
|------------------|-------------------|---------------------|---------------------|
| 1. Xã Bằng Phước | 2. Xã Phú Diêm    | 3. Thôn Sơn Định    | 4. Thôn Chánh Thanh |
| 5. Thôn Xuân Mỹ  | 6. Thôn Hội Điền  | 7. Thôn Trần Thị    | 8. Thôn Mỹ Lệ       |
| 9. Thôn Tiên Du  | 10. Thôn Hà Thanh | 11. Thôn Hương Dịch | 12. Thôn Tân Kiều   |
| 13. Thôn Lễ Cam  | 14. Thôn Năng Sơn | 15. Thôn Đàm Văn    | 16. Hộ Ninh Sơn     |

<sup>1</sup> Huyện Quảng Phước: 廣福縣 Huyện được thành lập và đặt tên sau cuộc Nam tiến 1673 đời chúa Nguyễn Phúc Tần, thuộc phủ Thái Khang. (Tên huyện thời các chúa Nguyễn đến đầu đời Tự Đức vẫn gọi là huyện Phúc Điền, từ đời Tự Đức kiêng âm Phúc trong tên họ Nguyễn Phúc, đọc chệch âm là *Phước*). Nay thuộc huyện Ninh Hoà tỉnh Khánh Hoà.

**5. Tổng Phước Hà Ngoại**, 12 xã, thôn:

- |                  |                    |                   |                   |
|------------------|--------------------|-------------------|-------------------|
| 1. Thôn Bình Tây | 2. Thôn Phú Thọ    | 3. Thôn Ngân Hà   | 4. Thôn Mỹ Lương  |
| 5. Thôn Đông     | 6. Thôn Thạnh Minh | 7. Thôn Bạch Hà   | 8. Thôn Thuỷ Đàm  |
| 9. Thôn Mỹ Giang | 10. Thôn Đàm Môn   | 11. Thôn Vĩnh Dật | 12. Hộ Khải Lương |

**Sản vật:**

Đôi môi sản ở đầm Đôi Môi, muối trắng sản ở các xã ven biển. Ngoài ra các loại như ngũ cốc, rau dưa, khoai đậu, vải, dâu trám, song mây, sa nhân, bo bo, gỗ lim, tôm cá, lươn, ốc thì các tổng đều có. Nhung hươu, tê giác, ngà voi, công, lông trĩ, trầm hương, kỳ nam cũng có nơi có.

**Núi sông:**

Núi Phú Như, núi Bình Tây, núi Tân Lập, núi Bồ Đà, núi Bàn Thạch, núi Mỹ Ngọc, núi Đại Đồng, núi Phú Mỹ, núi Ba Sơn, núi Eo Gió, núi Cổ Ngựa, núi Bàn Sơn. Núi có tiếng thì chỉ có núi Đại Lĩnh, núi Tam Phong, núi Phước Hà.

- Một dòng sông nhỏ từ Sơn Động chảy xuống, qua thôn Tân Mỹ đổ vào vũng Vân Phong, dài 10 dặm, rộng 1 trượng, sâu chừng 2 thước.

- Một dòng từ Sơn Động chảy xuống đến thôn Diêm Điền chia làm hai nhánh, đều đổ vào vũng Vân Phong, mỗi nhánh dài 6 dặm, rộng một trượng, sâu chừng hai thước.

**Đường đi:**

- Một đường quan báo, bắc từ trạm Phú Hoà giáp giới đạo Phú Yên, nam đến trạm Hoà Mỹ giáp giới huyện Tân Định, dài hơn 91 dặm, rộng 1 trượng.

- Một đường nhỏ từ phủ lý đi về phía đông bắc giáp trấn Vân Phong, dài hơn 30 dặm, rộng 3 trượng.

- Một đường biển, bắc từ trấn Đà Nẵng giáp hải phận đạo Phú Yên, nam giáp vũng Nha Phu huyện Tân Định, nếu thuận tiện đi hết một ngày.

## HUYỆN TÂN ĐỊNH

Do phủ Ninh Hoà thống hạt.

Huyện lỵ ở địa phận xã Mỹ Thạnh tổng Hiệp Trung. Bốn mặt có rào tre, dài 30 trượng.

Huyện hạt<sup>1</sup> phía đông giáp bờ biển 2 dặm, phía tây giáp động man 7 dặm, phía nam giáp địa giới huyện Phước Điền 21 dặm, phía bắc giáp địa giới huyện Quảng Phước.

Đông tây cách nhau 27 dặm. Nam bắc cách nhau hơn 21 dặm.

Huyện có 3 tổng.

Đình số: 1.382 người.

Bình số: 314 người.

Ruộng đất: 2.946 mẫu 3 thước 4 tấc. Trong đó:

- Ruộng: 2.385 mẫu 3 sào 6 thước 3 tấc.

- Đất: 560 mẫu 6 sào 12 thước 1 tấc.

Thuế cả năm:

- Nộp bằng tiền: 3.122 quan 6 tiền 30 đồng tiền 7 phân 2 ly.

- Nộp bằng thóc: 1.968 hộc 14 thưng 5 vốc 4 nắm.

<sup>1</sup> Huyện Tân Định 新定縣: Huyện được thành lập và đặt tên sau cuộc Nam tiến 1673 đời chúa Nguyễn Phúc Tần, thuộc phủ Thái Khang. Nay thuộc huyện Diên Khánh tỉnh Khánh Hoà.

**1. Tổng Thân Thượng, 25 xã, thôn, ấp:**

- |                    |                   |                    |                    |
|--------------------|-------------------|--------------------|--------------------|
| 1. Xã Nghi Xuân    | 2. Xã Đông Hương  | 3. Xã Tân Lâm      | 4. Xã Tân Phong    |
| 5. Xã Mỹ Thành     | 6. Xã Thuận Lễ    | 7. Xã Di Sự        | 8. Xã Đại Cát      |
| 9. Xã Ngũ Mỹ       | 10. Xã Vạn Hữu    | 11. Xã Trường Lộc  | 12. Xã Tân Lộc     |
| 13. Thôn Phú Hội   | 14. Thôn Dục Mỹ   | 15. Thôn Đại Tập   | 16. Thôn Đại Mỹ    |
| 17. Thôn Hoà Thuận | 18. Thôn Gia Kỳ   | 19. Thôn Phước Lâm | 20. Thôn Văn Thạch |
| 21. Thôn Tương Lạc | 22. Thôn Phụ Đăng | 23. Ấp Tân Trúc    | 24. Ấp Tân Tứ      |
| 25. Ấp Tân Quý     |                   |                    |                    |

**2. Tổng Hiệp Trung, 22 xã, thôn:**

- |                   |                      |                     |                    |
|-------------------|----------------------|---------------------|--------------------|
| 1. Xã Phú Lễ      | 2. Xã Diêm Tĩnh      | 3. Xã Nghi Phượng   | 4. Xã Xuân Hoà     |
| 5. Xã Bình Thành  | 6. Xã Mỹ Thạnh       | 7. Xã Phước Lý      | 8. Xã Hương Thạnh  |
| 9. Xã Phú Hoà     | 10. Xã Thạch Thành   | 11. Xã Phong Ấp     | 12. Xã Phước Lộc   |
| 13. Xã Thạnh Mỹ   | 14. Xã Phượng Cương  | 15. Xã Mỹ Hoà       | 16. Xã Phước Mỹ    |
| 17. Xã Quang Vinh | 18. Xã Phú Đa        | 19. Thôn Vĩnh Phước | 20. Thôn Tuấn Thừa |
| 21. Thôn Bình Trị | 22. Thôn Trường Châu |                     |                    |

**3. Tổng Ích Hạ, 27 xã, thôn, hộ:**

- |                   |                    |                    |                   |
|-------------------|--------------------|--------------------|-------------------|
| 1. Xã Phong Phú   | 2. Xã Hội Phú      | 3. Xã Thanh Châu   | 4. Xã Hậu Phú     |
| 5. Xã Phong Thạnh | 6. Xã Vạn Khê      | 7. Xã Thuận Hoà    | 8. Xã Mỹ Trạch    |
| 9. Xã Phú Hữu     | 10. Xã Hội Bình    | 11. Thôn Vạn Phước | 12. Thôn Mỹ Chánh |
| 13. Thôn Phú Thứ  | 14. Thôn Phú Thạnh | 15. Thôn Hà Liên   | 16. Thôn Mỹ Lợi   |
| 17. Thôn Tân Khê  | 18. Thôn Tân Ngọc  | 19. Thôn Ngọc Diêm | 20. Thôn Tân Thủy |
| 21. Thôn Tam Ích  | 22. Thôn Mỹ Thuận  | 23. Thôn Tân Phú   | 24. Thôn Ninh Đức |
| 25. Thôn Cát Lợi  | 26. Thôn Lương Sơn | 27. Hộ Tân Kiều    |                   |

**Sản vật:**

Lá cói sản ở hai tổng Thượng, Hạ, đầu tô hợp hương sản ở sông Cửu Khúc trong địa phận sơn man (cây có nhựa, lấy làm vị thuốc). Ngoài ra các loại như rau dưa, khoai đậu, đậu nành, song mây, sa nhân, bo bo, gỗ lim, cá tôm, lươn, ốc thì các tổng đều có. Còn như nhung hươu, tê giác, ngà voi, công, lông trĩ, trầm hương, kỳ nam cũng có nơi có.

**Sông núi:**

Núi Xích Thổ (Đất Đỏ), núi Dục Mỹ, núi Sầm Sơn, núi Tân Thủy, núi Cốc (núi Hang), núi Xuân, núi Dữ, đồi Thạch Lũy, núi Ong Nguyên (không có núi nổi tiếng).

- Một dòng sông lớn, nguồn có 4 dòng: một bắt nguồn từ núi Tam Phong, chảy về phía nam 11 dặm; một bắt nguồn từ động Man chảy về phía đông 5 dặm; một từ núi Bàn Thạch chảy về phía nam 23 dặm; một từ sơn phận xã Đông Hương chảy về phía nam 23 dặm, đến địa phận thôn Vĩnh Phú hợp dòng mà chảy về phía đông đến cửa tấp Nha Phu thì chảy vào biển, dài hơn 3 dặm, rộng trên dưới 2 trượng, sâu 3-4 thước không đều nhau.

- Một sông nhỏ từ sơn động chảy xuống đến địa phận thôn Tam Ích, dài 20 dặm, rộng 1 trượng, sâu 2 thước. Lại từ địa phận thôn Tam Ích chia làm 2 nhánh, một nhánh chảy về phía nam 2 dặm, qua địa phận thôn Tam Ích; một nhánh chảy về phía bắc 8 dặm, qua địa phận thôn Tân Thủy, đều đổ vào vũng Nha Phu.

***Đường đi:***

-Một đường quan báo, bắc từ địa giới huyện Quảng Phước, nam đến địa giới huyện Phước Điền, dài 21 dặm, rộng 1 trượng.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía đông, giáp trấn Nha Phu, dài 2 dặm, rộng dưới 3 trượng.

-Một đường từ huyện lỵ chạy về phía tây đến trấn Bình Nguyên, dài hơn 4 dặm.

-Một đường biển: bắc từ vũng Nha Phu, nam đến cửa trấn Cù Huân giáp địa giới huyện Vĩnh Xương, nếu thuận tiện thì đi hết 5 giờ.

慶和省莅臣等欽遵批示編繪圖本進呈奏冊

### 慶和目錄 (原本無有)

慶和省	頁一
延慶府	頁五
福田縣	頁八
永昌縣	頁十一
寧和府	頁十五
廣福縣	頁十八
新定縣	頁二十二

同慶敕製御覽

### 慶和省

省城在福田縣寧福總長盛、富美貳社地分。城築土質，周圍通長六百十六丈四尺七尺五寸。城身八角（城內四角各有土山），門四（均砌蜂石及土磚），各有瓦樓。濠闊四丈五尺，深八尺。省轄東夾海渚二十里有奇，西夾蠻峒三十七里，南夾平順省安福縣界一百十七里，北夾富安道綏和縣界一百五十五里。東南夾平順省海分八十九里，西南夾蠻峒七十一里，東北夾雲峰海口九十一里，西北夾蠻峒九十七里。東西相距五十八里，南北相距二百七十二里。

省轄統府二縣四

丁該五千四百三十五人

兵該一千三百八人

田土該一萬二千九百七十六畝七高八尺七寸五分

內各項田九千六百八十七畝七高八尺四寸

內各項土三千二百八十九畝寸五分

全年稅錢七萬三千七百十八貫二十一文六分九釐；

粟六千四百六斛五升一合六勺四抄七撮九圭

延慶府

兼理福田縣

統轄永昌縣

29

## 寧和府

兼理廣福縣

統轄新定縣

## 風俗

(諸府縣同)

省轄四縣民風樸野，沿山農桑，沿海網罟。工商間亦有之，然而率多懈惰，貨無巨積。男女頭纏方巾（富者用縐紗，貧者用青布）。常飲多用生水。祀先祈福間用歌巫。間從左者三十社村（福田縣之富穀、富祿、大田、富給、富稔、武竟、春風、長盛、長樂、福盛、良福、中江；永昌縣之玉會、富農、富仁、富榮、春樂、永洲；廣福縣之福多、文訂、玉山；新定縣之美盛、春和、永福、會富、會平、吉利，**32**全從惟仙香一村（福田縣）而已。芽莊、平原二汛諸山蠻柵架棧而居，所業不一（或畜產，或栽植），好尚銅鍋、磁器。服食只用粗布鹹鹽，辰常多以豬藤等物與漢民貿易。就中平原蠻之羅萬、陸雲等柵性黠難馴，不若芽莊蠻柵之純樸。

## 物產

芋荳瓜穀諸縣皆有。布席、綉紬、縐紗、黑綾等物間亦有之。其出諸山分則烏木、赤木、降香木、楠木、琦璫、沉香、黃蠟、白蜜、沙仁、薏苡、山芙蓉、**33**猛火油、橄欖脂、蘇合、香石、龍藤、馬前子與麋茸、犀角、象牙、孔雀、雉羽、熊虎；海

分則魚鱉、鹹鹽。至如瑇瑁、玳瑁、燕巢等物產亦無幾。

## 氣候

(諸府縣同)

四序暑多寒少。四月後常有陣雨。秋末冬初雨潦乃降。地多嵐瘴，濕氣常重，人多感傷成瘧。農候間有夏、秋二務。潮候月二次，或三次（二、八月每次：初三、十九、二十九等日；餘各二次：十七、三十等日）。

32

## 山水

省轄四府縣多山。舉其有名者，廣福之三峰山、大嶺山、福河山；福田之妣山、大田山。江多淺狹，舉其稍大者，福田之富祿江，新定之永富江。

## 祠廟

社稷壇（在延慶府福田縣分以下）

山川壇

先農壇

文廟

會同廟

城隍廟

功臣廟（永昌縣分）

天依祠（在省城內，祀天依聖娘以下）

過關祠（在福田縣分）

4a

名勝

靈仙古塔（屬永昌縣。詳見縣編）

屯壘

陸屯（在延慶府永昌縣分以下。土築，周圍通長三十六丈，高七尺，厚七尺五寸）

夾口屯（土築，周圍通長各七丈五寸，高七尺，厚八尺）

路程

一條關報路自省莅之南和盛站經和新、和油、和均至平順省順萊站，通長一拾七十里，橫一丈以下。

4b

一條關報路自省莅之北和盛站，經和吉、和美、和黃、浪和馬至富和站，夾富安道界山分，通長一拾五十五里。

一條小路自省城東經過水衛至虬動大汎口，通長二十里，再自水衛舍之東南至虬動小汎口，長三里，橫各三尺以下。

一條小路自省城之西至下氏蠻等柵，通長三十八里。

一海船程南自平順省界海分巔嶼，北駛逕柑檣、虬動、芽敷、雲峰等汎口，夾富安道界沱濃汎口，以順便爲度，三日夜。

5a

延慶府

府莅在福田縣中洲總富殷社地分，四面竹籬，通長六十四丈。

府轄東夾海渚十七里，西夾蠻峒四十里，南夾平順省安福縣界一百十七里，北夾寧和府新定縣界四十六里。東西相距五十七里，南北相距一百六十三里。兼理福田縣，統轄永昌縣十總

5b

丁該二千七百六十四人

兵該六百五十三人

田土該六千七百七十七畝七高十四尺玖寸

內田四千四百七十七畝一高一尺八寸

內土二千三百畝六高三尺一寸

全年稅錢七千五百十六貫七陌五十九文八分；粟二千七百四十一斛六升二合一勺九抄七撮九圭

福田縣六總：

上洲總

中洲總

芳洲總

永福總

寧福總

清福總

永昌縣四總：

上總

中總

下總

昌河總

物產

縐綉、縐紗、黑綾、黃蠟、白蜜、山芙蓉、降香木出於

福田縣；燕巢、海參、白鹽、粗席、瑋琛、魚鱉、猛火油、橄欖脂、烏赤木出於永昌縣。其餘瓜荳芋穀、薏苡、馬前、楠木、砂仁、麋茸、犀角、象牙、孔雀、雉羽、熊虎二縣皆有。

## 山水

二縣多山。舉其有名者，大田山，妃山而已。

大江一條上自山峒三源注下至福田縣合而東流，達于永昌縣。昌縣虬動汎入海，通長五十里，廣五丈，深約三、四尺上下。

## 祠廟

過關祠：

福田縣分，祀天依聖娘。

## 名勝

虬牢山、靈仙古塔（永昌縣分。詳見縣編）。

## 屯壘

陸屯、夾口屯（均屬永昌規式詳見縣編）。

## 路程

一條關報路南自平順省界經和均（永昌縣分以下）、和油、和新、和盛（福田縣分）等站，北夾新定縣界和吉站，通長一百六十三里，橫一丈。

小路一條自府莅之西，經省城至山蠻，通長四十里，橫三尺上下。以下一條自府莅之東經過水衛

舍至虬動大汎口，通長十八里。再自水衛舍之東南至虬動小汎口，長三里。  
一海船程南自平順省界海分嶼北駛逕柑檳汎口至虬動汎口，以順便為度一日程。

## 福田縣

延慶府兼理。

縣轄東夾永昌縣界一里，西夾山蠻四十里，南夾永昌縣界一里，北夾新定縣界四十六里。東西相距四十一里，南北相距四十七里。

### 縣轄六總

丁該一千九百六人。

兵該三百九十六人。

田土該肆千五百七十四畝六高六尺四寸

內田二千九百二十二畝四高一尺五寸

內土一千六百五十二畝一高九尺九寸

全年稅錢五千一百四十二貫九陌五十一文三分六

釐；粟一千八百八十八斛十一升七合一勺三抄三撮

三圭。

上洲總四社村邑：

富穀社

春風上社

仙香村

慶春邑

中洲總五社村：

大田社 富祿社 富殷社 富給社

富稔社

芳洲總四社村：

春風社 得祿社 如春社 回春村

永福總六社村：

平祿社 鼎盛社 禮盛社 福城社

扶善社

寧福總拾五社村：

美祿社 大有社 光盛社 會福社

良福社 業成社 盛明社 長樂社

長盛社 富美社 清寧社 福盛社

中江社 樂利村 慶成村

清福總三社：

武甍社 武勇社 武健社

## 物產

綉紬、縐紗、黑綾出於富祿、富殷二社。其餘瓜、芋、穀、蕙苡、馬前子諸總皆有。麋茸、犀角、象牙、孔雀、雉羽、降香、楠木、黃蠟、白蜜、山芙蓉亦有之。

## 山水

縣轄大田山，妣山均稱有名。

## 祠廟

過關祠（在芳洲總春風社分，祀天依聖娘）

## 路程

一條關報路南自永昌縣界和新站經和盛站，北夾108新定縣界和吉站，通長五十三里，橫一丈。

小路一條自府莅之西經省城至山蠻，通長四十里，橫三尺以下。一條自府莅之東，夾永昌縣界，長二里有奇。一條山徑路自府莅之北達于新定縣界，通長三里有奇，橫二尺。

## 永昌縣

延慶府統轄。縣莅在昌河總永恬社地分，四面竹籬，通長六十丈。

縣轄東夾海渚十二里，西夾福田縣界三里，南夾平順省安福縣界山分一百十七里，北夾新定縣界三里。東西相距十五里，南北相距一百二十里。

119 縣轄四總。

丁該八百五十八人  
兵該二百五十七人  
田土該二千二百三畝一高一八尺五寸

內田一千五百五十四畝六高五尺三寸  
內土六百四十八畝五高三尺二寸

全年稅錢二千三百七十三貫八陌八文四分四釐。  
粟九百二十二斛二十升五合六勺六撮六圭。

上總八社村戶：

永吉社 萬昌社 萬會社 百祿社  
春富社 慶祿村 慶平戶 慶昌戶

中總七社村：

永昌社 富厚社 居盛社 福澤社  
春山社 筆山社 同仁村

128 下總十二社村戶：

新祿社 立定社 永年村 調林村  
美柯村 若堵村 合美村 慶壽戶  
慶耐戶 慶甘戶 慶合戶 慶美戶

昌河總二十八社村戶：

久利社 福海社 泰通社 水秀社  
永洲社 富榮社 春樂社 永恬社  
富仁社 虬牢社 永熙村 平波村  
盛德村 水潮村 同春村 平津村

126

物產

白鹽出於平津，粗席出於泰通，燕窩出於內外嶼，屬場西村戶長別納。海參惟柑檳汎海分所產。其餘瓜、芋、穀、蕙苡、馬前子諸總皆有。麋茸、犀角、象牙、孔雀、雉羽、橄欖脂、猛火油、烏赤楠木、瑋琛、魚鱉間亦有之。

13a 山水

蒼山、富景山、全帝山、虬牢山、旌忠山、玉會山、庫紗、境隆山、降香山、演山、黃牛山、盛德山、和均山、風嶺山、合美山、油林山、若堵山、呂山（無有名山）。

大江一條自福田縣注下至萬盛村分，長三里，廣五丈，深三、四尺上下。再自萬盛村分爲三支。一支南流逕福海社入虬動小汎口，長三里，廣一丈，深約二尺；一支東流至名勳村入虬動大汎口，長一里，廣一丈，深約二尺；一支北流至虬牢社，亦入虬動大汎口，長一里，廣二丈，深約三尺。

小江一條自蠻峒中注下逕上、中、昌河三總分注入虬動小汎口，通長二十里，廣一丈，深約二、三

尺；一條自蠻峒中注下三支東南流，均注于柑檻汛口，各長八丈，廣二丈，深約二尺。

## 名勝

靈仙古塔在昌河總虬牢社山分。其五峰相連而古塔聳于上。祀天依聖娘，國朝累贈鴻仁普濟靈應上等神，以虬牢社民充祠夫。塔門豎石前有碑，皆蚪文。凡有祈禱稔著靈應。塔高六丈，歷多年所瓦磚損壞罅漏。莅官每欲修葺，但工程艱重而費鉅匠少，終不果。嗣德十八年，百戶故阮奎（永昌縣人）出貲備辦材瓦，于塔內建一屋（一間）以蔽風雨。凡抵莅與諸公派經過多親拜謁，或立記（如原協辦大學士領禮部尚書潘清簡，原通政使領慶和布政使阮炯，原順慶巡撫阮威，原欽差鴻臚寺少卿辦理工部裴彩筆，原領平順布政使陳典，侍讀學士充典農使潘忠，原領平順按察使尊室撰，原翰林院侍讀充平順營田使阮文芳，原領工部郎中阮惟允，原欽派隨辦禮科給事阮惟志）或題詩（如原如西正使刑部上書黎峻，原副使禮部左參知阮文詳，原參辦鴻臚寺卿阮增阮，原海安道御史范登講，原慶和布政使黎廷俊，原慶和按察使范輝炳典農使潘忠，原慶和督學丁儒光），洵稱省轄名勝。

## 屯壘

陸屯在昌河總福海社分。規式詳見省編以下。  
夾口屯在昌河總春樂社分。

## 路程

一條關報路南自平順界首經和均、和油、和新等站，夾福田縣界和盛站分，通長九十二里，橫一丈。

小路一條自縣莅之東至虬勳汛，長十二里。一條自縣莅之西至福田縣界，長三里，橫各三尺。

一海船程南自平順省界海分嶼北駛逕柑檻汛口至虬勳汛口，以順便為度一日夜。

## 寧和府

府莅有福謙總永富村地分。四面竹籬，通長六十八丈。

府轄東夾海渚，三十里；西夾山蠻，四十四里；南夾延慶府福田縣界，二十二里；南夾富安道綏和縣界，九十一里。東西相距七十四里；南北相距一百十三里。

兼理廣福縣，統轄新定縣八總。

丁該二千六百七十一人

兵該六百五十五人

田土該六千一百九十八畝九高八尺八寸五分

內田五千二百十畝六高六尺六寸

內土九千八十八畝三高二尺二寸

全年稅錢六千二百一貫二陌二十一文八分九釐。粟三千六百六十四斛二十四升九合四勺四撮八圭。

廣福縣五總：

福謙總

福善總

福祥總

福河內總

福河外總

新定縣三總：

親上總

協中總

蓋下總

### 物產

玳瑁、白鹽出於廣福縣，蘇合、香油、白葷出於新定縣。其餘瓜、荳、穀、攪脂石龍藤、沉香、琦瑠、砂仁、薏苡、楠木與麋茸、犀角、象牙、孔雀、雉羽、熊虎、魚鱉、蟾螺二縣皆有。

### 山水

府轄二縣多山。舉其有名者，三峰山、大嶺山、福河山。

大江一條上自山峒四源注下至新定縣合而東流，達于芽敷澳汝海，通長二十七里，廣二丈，深約二尺。

### 祠廟名勝

府轄無有可錄。

### 路程

一條關報路北自富安道界富和站，南夾延慶府福田

縣山分，通長一百十三里，橫一丈。

小路一條自府莅之西南，夾平原汛，長五里有奇，橫三尺以下。一條自府莅之東南，夾芽敷汛，長三里。一條自府莅之東北，夾雲峰汛，長三十里有奇。

一海船程北自富安道界海分沱濃汛南駛，逕雲峰、芽敷二汛口，夾延慶府永昌縣虬動汛口，以順便為度一日夜。

183a

## 廣福縣

寧和府兼理。

縣轄東夾海渚三十里，西夾新定縣界四里，南夾新定縣界，北夾富安道綏和縣界九十一里。東西相距三十四里，南北相距九十一里有奇。

縣轄五總。

丁該一千二百八十九人  
兵該三百四十一人

183b

田土該三千二百五十二畝九高五尺四寸五分  
內田二千八百二十五畝三高尺三寸  
內土四百二十七畝六高五尺一寸五分

福謙總十二社村：

福德社 內美社 富文社 福山社

19a

關東社 文定社 富義社 福多社  
 萬善社 永富社 玉山村 山祿村  
**福善總十一社村：**

永盛社 石定社 富山社 廣香社  
 蒙富村 平泰村 恭和村 富家村  
 寧富村 寧居村 寧益村

**福祥總三十社村：**

廣會社 循禮社 隆盛社 仁山社  
 忠勇社 仙茅社 平忠社 春寺社  
 祿壽社 富崗社 茂盛社 美桐社  
 廣新社 榮和社 福水社 賢良社  
 新福社 平祿社 海潮社 會慶村  
 鹽田村 肆政村 新美村 蝶山村  
 寧泰村 寧壽村 新德東村 富會西村  
 寧馬東村 寧馬西村

**福河內總十六社村戶：**

憑福社 富鹽社 山定村 政清村  
 春美村 會田村 珍柿村 美麗村  
 仙遊村 河清村 香掖村 津橋村  
 醴甘村 能山村 曇雲村 寧山戶

**福河外總十二村戶：**

平西村 富壽村 銀河村 美良村  
 東村 盛茗村 白河村 水潭村  
 美江村 潭門村 永逸村 啓涼戶

19b

### 物產

玳瑁出於玳瑁潭，白鹽出於沿海諸社。其餘瓜、荳、布、穀、橄欖脂、石龍藤、砂仁、薏苡、楠木、魚鱉、蟾螺諸總<sup>20a</sup>皆有。麋茸、犀角、象牙、孔雀、雉羽、沉香、琦瑀間亦有之。

### 山水

富如山，平西山，新立山，菩陀山，盤石山，美玉山，大同山，富美山，葩山，風腰山，馬頸山，盤山，舉其有名者，惟大嶺山、三峰山、福河山。小江一條自山峒注下，逕新美村入雲峰澳，通長十里，<sup>20b</sup>廣一丈，深約二尺。一條自山峒注下，至鹽田村分爲二支，均注入雲峰澳，各長六里，廣一丈，深約二尺。

### 路程

一條關報路北自富安道界富和站，南至新定縣界和美站，通長九十一里有奇，橫一丈。  
 小路一條自府莅之東北夾雲峰汛，長三十里有奇，橫三尺。

21b

一海船程北自富安道海分沱濃汛，南夾新定縣芽敷澳，以順便爲度一日。

22a

### 新定縣

寧和府統轄。縣莅在協中總美盛社地分，四面竹籬，通長三十丈。

縣轄東夾海渚二十里，西夾蠻峒七里，南夾福田縣界二十一里，北夾廣福縣界。東西相距二十七里，南北相距二十一里有奇。

縣轄三總。

22b

丁該二千三百八十二人

兵該三百十四人

田土該二千九百四十六畝三尺四寸

內田二千三百八十五畝三高六尺三寸

內土五百六十畝六高十二尺一寸

全年稅錢三千一百二十二貫六陌三十文七分二釐；

粟一千九百六十八斛十四升五合四勺

親上總二十六社村邑：

宜春社	同香社	新林社	新豐社
美成社	順禮社	邇事社	大吉社
五美社	萬有社	長祿社	新祿社富會
村			
毓美村	大集村	大美村	和順村
嘉棋村	福林村	雲石村	相樂村
附藤村	新竹邑	新肆邑	新貴邑

23a

協中總二十二社村：

富禮社	恬靜社	儀鳳社	春和社
平成社	美盛社	福履社	香盛社
富和社	石城社	豐邑社	福祿社
盛美社	鳳崗社	美和社	福美社
光榮社	富多社	永福村	福美社
平治村	長洲村		遵承村

益下總二十七社村戶：

豐富社	會富社	清洲社	厚富社
豐盛社	萬溪社	順和社	美宅社
富有社	會平社	萬福村	美政村
富庶村	富盛村	河連村	美利村
新溪村	新玉村	玉鹽村	新水村
三益村	美順村	新富村	寧德村
吉利村	良山村	新橋戶	

23b

### 物產

白蘆葉出於上、下二總，蘇合、香油出於山蠻九曲江（木有膏，可取入藥）。其餘瓜、荳、布穀、橄欖脂、石龍藤、砂仁、薏苡、楠、魚鱉、蟾螺諸總皆有。至如麋茸、犀角、象牙、孔雀、雉羽、沉香、琦瑋間亦有之。

24a

### 山水

赤土山，毓美山、岑山、新水山、谷山、春山、與

山、石壘峒、螭原山。（無有名山）

大江一條其源有四。一出三峰山南流十一里；一出蠻峒中東流，五里；一出盤石山南流，二十三里；一出同香社山分東南流，二十三里，至永富村分合而東流，達于芽敷汛口入海，長三里有奇，廣二丈上下，深三、四尺不等。

小江一條自山峒注下，至三益村分，通長二十里，廣一丈，深二尺。再自三益村分爲二支。一支南流，二里，逕三益村分；一支北流，八里，逕新水村分，均注入芽敷澳。

### 路程

一條關報路北自廣福縣界，南至福田縣界，通長二十里，橫一丈。

25a

小路一條自縣莅之東，夾芽敷汛，長二里，橫三尺以下；一條自縣莅之西至平原汛，長四里有奇。

一海船程北自芽敷澳，南至永昌縣界虬動汛口，以順便爲度五辰。

